

Phụ lục 1: Danh mục, kế hoạch thực hiện các đề án quy hoạch triển khai cụ thể hóa đề án Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 (đợt 1)									
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày...../8/2025 của UBND thành phố Hà Nội)									
TTT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện		Đề xuất	Ghi chú
				(Ha)		Bắt đầu	Kết thúc		
	-2	-3	-4	-5	-6		-7		-9
I	Quy hoạch không gian ngầm và quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật								
1	Điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô	1/10.000	toàn Thành phố		Sở Xây dựng	2025	2027	Điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch cấp trên.	tích hợp QH bến, bãi đỗ xe và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố được duyệt trước đây
2	Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô	1/10.000	toàn Thành phố		Sở Xây dựng	2025	2027	Điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch cấp trên.	
3	Quy hoạch Cao độ nền và thoát nước Thủ đô	1/10.000	toàn Thành phố		Sở Xây dựng	2025	2027	Lập mới (giai đoạn trước chưa thực hiện nội dung về cao độ nền)	tích hợp Quy hoạch thoát nước Thủ đô được duyệt trước đây
4	Quy hoạch Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang Thủ đô	1/10.000	toàn Thành phố		Sở NN-MT chủ trì, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ phối hợp	2025	2027	Lập mới	Tích hợp 02 quy hoạch: QH Chất thải rắn và QH Nghĩa trang Thủ đô được duyệt trước đây.
5	Quy hoạch không gian ngầm Thủ đô	1/10.000	Toàn thành phố		Sở Xây dựng	2025	2027	Lập mới	ngiên cứu, kế thừa QH không gian XD ngầm đô thị trung tâm Thành phố được duyệt trước đây
II	Quy hoạch chung xã			167972					
1	Xã Thượng Phúc	1/10.000-1/5.000		1935	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
2	Xã Thường Tín	1/10.000-1/5.000		525	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
3	Xã Chương Dương	1/10.000-1/5.000		1599	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
4	Xã Phú Xuyên	1/10.000-1/5.000		773	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
5	Xã Phụng Dực	1/10.000-1/5.000		4123	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch

6	Xã Chuyên Mỹ	1/10.000-1/5.000		3274	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
7	Xã Đại Xuyên	1/10.000-1/5.000		5166	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
8	Xã Thanh Oai	1/10.000-1/5.000		1498	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
9	Xã Bình Minh	1/10.000-1/5.000		1034	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
10	Xã Tam Hưng	1/10.000-1/5.000		812	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
11	Xã Dân Hòa	1/10.000-1/5.000		3843	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
12	Xã Vân Đình	1/10.000-1/5.000		3012	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
13	Xã Ứng Thiên	1/10.000-1/5.000		3400	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
14	Xã Hòa Xá	1/10.000-1/5.000		4042	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
15	Xã Ứng Hòa	1/10.000-1/5.000		6780	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch

16	Xã Mỹ Đức	1/10.000-1/5.000		4184	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
17	Xã Hồng Sơn	1/10.000-1/5.000		5438	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
18	Xã Phúc Sơn	1/10.000-1/5.000		4931	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
19	Xã Hương Sơn	1/10.000-1/5.000		6911	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
20	Xã Phú Nghĩa	1/10.000-1/5.000		3200	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
21	Xã Xuân Mai	1/10.000-1/5.000		1946	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
22	Xã Trần Phú	1/10.000-1/5.000		4058	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
23	Xã Hòa Phú	1/10.000-1/5.000		2987	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
24	Xã Quảng Bị	1/10.000-1/5.000		3714	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
25	Xã Minh Châu	1/10.000-1/5.000		1036	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch

26	Xã Quảng Oai	1/10.000-1/5.000		1020	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
27	Xã Vật Lại	1/10.000-1/5.000		5175	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
28	Xã Cổ Đô	1/10.000-1/5.000		5325	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
29	Xã Bát Bạt	1/10.000-1/5.000		5643	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
30	Xã Suối Hai	1/10.000-1/5.000		1024	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
31	Xã Ba Vì	1/10.000-1/5.000		8127	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
32	Xã Yên Bài	1/10.000-1/5.000		6739	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
33	Xã Đoài Phương	1/10.000-1/5.000		5710	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
34	Xã Phúc Thọ	1/10.000-1/5.000		3966	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
35	Xã Phúc Lộc	1/10.000-1/5.000		4115	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch

36	Xã Hát Môn	1/10.000-1/5.000		3767	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
37	Xã Thạch Thất	1/10.000-1/5.000		2578	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
38	Xã Hạ Bằng	1/10.000-1/5.000		1889	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
39	Xã Tây Phương	1/10.000-1/5.000		2623	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
40	Xã Hòa Lạc	1/10.000-1/5.000		1412	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
41	Xã Yên Xuân	1/10.000-1/5.000		3875	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
42	Xã Quốc Oai	1/10.000-1/5.000		415	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
43	Xã Hưng Đạo	1/10.000-1/5.000		2490	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
44	Xã Kiều Phú	1/10.000-1/5.000		945	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
45	Xã Phú Cát	1/10.000-1/5.000		1412	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch

46	Xã Sóc Sơn	1/10.000-1/5.000		1710	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
47	Xã Đa Phúc	1/10.000-1/5.000		3990	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
48	Xã Nội Bài	1/10.000-1/5.000		1154	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
49	Xã Trung Giã	1/10.000-1/5.000		7752	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
50	Xã Kim Anh	1/10.000-1/5.000		4895	UBND xã	2025	2027	Lập mới	Lập QHC xã tại phần đất thuộc khu vực được định hướng là quy hoạch nông thôn. Ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch cụ thể được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch
III	Quy hoạch phân khu đô thị (đấu thầu khu đô thị)			1606,45					
1	Khu đô thị G18	1/2000	xã Phúc Thịnh	11,16	UBND xã	2025	2026	Lập mới	Phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
2	Khu đô thị G9 (Khu đô thị Tây Bắc Sông Thiếp)	1/2000	xã Thiên Lộc	51,32	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
3	Khu đô thị G21	1/2000	xã Vĩnh Thanh	43,9	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
4	Khu đô thị G22	1/2000	xã Vĩnh Thanh	80,2	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
5	Khu đô thị G23	1/2000	xã Thiên Lộc	52,7	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
6	Xây dựng khu đô thị mới G10	1/2000	xã Thiên Lộc	32,8	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
7	Xây dựng khu đô thị mới G12	1/2000	xã Đông Anh	39,7	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
8	Xây dựng khu đô thị mới G13	1/2000	xã Đông Anh	44,2	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
9	Xây dựng khu đô thị mới G17	1/2000	xã Phúc Thịnh	20,6	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
10	Xây dựng khu đô thị mới G3	1/2000	xã Thiên Lộc	80,46	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
11	Xây dựng khu đô thị mới G5	1/2000	xã Phúc Thịnh	56,11	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
12	Xây dựng khu đô thị mới G14	1/2000	xã Đông Anh	54,6	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
13	Xây dựng khu đô thị mới G1	1/2000	xã Phúc Thịnh	43,53	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
14	Xây dựng khu đô thị mới G4	1/2000	xã Thiên Lộc	120,83	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
15	Xây dựng khu đô thị mới G4-1	1/2000	xã Phúc Thịnh	48,6	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
16	Khu đô thị mới cao cấp Đông Anh (G29)	1/2000	xã Đông Anh	107,1	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
17	Khu đô thị mới Xuân Canh (G30)	1/2000	xã Đông Anh	18,76	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
18	Dự án khu đô thị xanh thuộc ô đất B3-3	1/2000	xã Thanh Trì	23	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
19	Dự án Khu đô thị Sông Hòa Bình thuộc ô đất ký hiệu A3 trong đồ án phân khu đô thị S5	1/2000	xã Đại Thanh	36,8	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
20	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Hữu Hoà	1/2000	xã Đại Thanh	137,7	UBND xã	2025	2026	Lập mới	

21	Khu đô thị mới Vĩnh Quỳnh	1/2000	xã Đại Thanh - Ngọc Hồi	26,7	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới	
22	Khu đô thị mới Đại Áng, thuộc ô đất ký hiệu C1-1, C1-2 trong đồ án phân khu đô thị S5	1/2000	xã Đại Thanh - Ngọc Hồi	38,48	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới	
23	Khu đô thị mới Đan Phượng	1/2000	xã Ô Diên	128	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
24	Khu đô thị mới Tân Lập	1/2000	xã Ô Diên	40	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
25	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới ven sông Đuống thuộc phân khu đô thị N9	1/2000	xã Phù Đồng	226,88	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
26	Khu đô thị mới Sơn Đồng - X1	1/2000	xã Sơn Đồng	42,32	UBND xã	2025	2026	Lập mới	
IV	Quy hoạch phân khu đô thị Trung tâm			73.663					
1	Khu vực đô thị mở rộng về phía Tây và Nam								
1.1	Quy hoạch phân khu đô thị Khu vực mở rộng đến đường vành đai 4 (Khu C)	1/2.000		15.805					Gồm các QHPK S1, S2, S3, S4, S5, GS, GSA
a	Quy hoạch phân khu đô thị C1	1/5.000	phường Thượng Cát, Tây Tựu, xã Ô Diên, Hoài Đức	2.409	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới (có điều chỉnh ranh giới trùng với các tuyến đường xuyên tâm trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)	Gồm QHPK S1, S2, 1 phần GS
b	Quy hoạch phân khu đô thị C2	1/5.000	phường Xuân Phương, xã Hoài Đức, Dương Quế, Sơn Đồng	3.700	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới (có điều chỉnh ranh giới trùng với các tuyến đường xuyên tâm trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)	Gồm QHPK S2, S3, 1 phần GS
c	Quy hoạch phân khu đô thị C3	1/5.000	phường Tây Mỗ, Đại Mỗ, Hà Đông, Dương Nội, Yên Nghĩa, xã An Khánh	3.389	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới (có điều chỉnh ranh giới trùng với các tuyến đường xuyên tâm trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)	Gồm QHPK S3, S4, 1 phần GS
d	Quy hoạch phân khu đô thị C4	1/5.000	phường Hà Đông, Kiến Hưng, Phú Lương, Yên Nghĩa, xã Đại Thanh, Bình Minh, Tam Hưng	2.386	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới (có điều chỉnh ranh giới trùng với các tuyến đường xuyên tâm trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)	Gồm QHPK S4, 1 phần GS
e	Quy hoạch phân khu đô thị C5	1/5.000	phường Yên Sở, xã Đại Thanh, Thanh Trì, Ngọc Hồi, Nam Phú, Thường Tín, Hồng Vân	3.921	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới (có điều chỉnh ranh giới trùng với các tuyến đường xuyên tâm trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)	Gồm QHPK một phần S5, GS(A)
1.2	Quy hoạch phân khu đô thị phía Tây đường vành đai 4 (Khu D)			15.031					

a	<i>QHPK đô thị Phía Tây VĐ4, Phân đoạn 2 (Từ Nam sông Hồng đến đại lộ Thăng Long): D1</i>	1/2.000	<i>xã Ô Diên, Đan Phượng, Hoài Đức, Dương Quế, Sơn Đồng</i>	3.094	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (đã giao)</i>	<i>Khu vực mở rộng theo QHC-1668 (QĐ số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 bổ sung danh mục (2021-2025))</i>
b	<i>QHPK đô thị Phía Tây VĐ4, Phân đoạn 3 (Từ Đại lộ Thăng Long đến trục đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên): D2, XN3</i>	1/2.000	<i>phường Yên Nghĩa, xã Anh Khánh, Bình Minh, Tam Hưng</i>	4.740	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (đã giao)</i>	<i>Khu vực mở rộng theo QHC-1668 (QĐ số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 bổ sung danh mục (2021-2025))</i>
c	<i>QHPK đô thị Phía Tây VĐ4, Phân đoạn 4 (Từ tuyến đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đến đê sông Hồng) tại huyện Thường Tín: D3, XN3</i>	1/2.000	<i>xã Thường Tín, Hồng Vân, Thượng Phúc, Chương Dương</i>	4.635	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (đã giao)</i>	<i>Khu vực mở rộng theo QHC-1668 (QĐ số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 bổ sung danh mục (2021-2025))</i>
d	<i>XN4</i>	1/2.000	<i>xã Liên Minh, Đan Phượng, Ô Diên</i>	2.562	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2027	<i>Lập mới</i>	<i>Khu vực sông Đáy thuộc huyện Đan Phượng</i>
2	<i>Khu vực Bắc Sông hồng (Khu E1-E3)</i>			29.908					
2.1	<i>Quy hoạch phân khu đô thị E1</i>			8.093					<i>Gồm QHPK N1, N2, N3, 1 phần QHPK GN, 1 phần QHPK R, khu vực QH mới</i>
a	<i>E1-1 (QHPK đô thị Phía Tây VĐ4, Phân đoạn 1 (Bắc sông Hồng))</i>	1/2.000	<i>xã Kim Anh, Nội Bài, Tiến Thắng, Yên Lãng</i>	3.300	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (đã giao)</i>	<i>QHPK mới. UBND Thành phố đã có Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 phê duyệt Nhiệm vụ QHPK</i>
b	<i>E1-2</i>	1/5.000	<i>xã Quang Minh, Mê Linh, Phúc Thịnh</i>	3.972	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)</i>	<i>Gồm QHPK N1, 1 phần QHPK N2, N3, 1 phần QHPK GN</i>
c	<i>E1-3</i>	1/5.000	<i>xã Quang Minh, Phúc Thịnh</i>	821	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)</i>	<i>Gồm 1 phần QHPK N2, N3, 1 phần QHPK GN</i>
2.2	<i>Quy hoạch phân khu đô thị E2</i>			10.159					
a	<i>E2-1</i>	1/5.000	<i>xã Thiên Lộc, Vĩnh Thanh</i>	1.502	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)</i>	<i>Gồm QHPK N4, 1 phần QHPK GN, 1 phần QHPK R1-5</i>
b	<i>E2-2</i>	1/5.000	<i>xã Phúc Thịnh, Đông Anh</i>	2.089	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)</i>	<i>Gồm QHPK N7, 1 phần QHPK GN</i>
c	<i>E2-3 (không gồm 718ha nằm trong khu vực Quy hoạch phân khu đô thị khu vực phía Đông xã Thụ Lâm)</i>	1/5.000	<i>xã Phúc Thịnh, Thụ Lâm</i>	2.720	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)</i>	<i>Gồm QHPK N5, N6, 1 phần QHPK GN</i>
d	<i>E2-4</i>	1/5.000	<i>xã Vĩnh Thanh, Đông Anh</i>	1.750	<i>Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)</i>	2025	2026	<i>Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)</i>	<i>Gồm QHPK N8, GNA, 1 phần QHPK R1-5, 1 phần QHPK GN</i>

e	Quy hoạch phân khu đô thị khu vực phía Đông xã Thụ Lâm	1/2.000	xã Thụ Lâm	2.098	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới	TP đã có QĐ số 4343/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 bổ sung danh mục (2021-2025); Quyết định Phê duyệt Nhiệm vụ số 3622/QĐ-UBND ngày 01/7/2025
2.3	Khu vực nệm xanh (XB1-XB6)			11.656					
a	XB4	1/2.000	xã Phúc Thịnh, Thụ Lâm, Nội Bài, Đa Phúc	3.924	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	Vành đai xanh (phần còn lại của huyện Đông Anh, Sóc Sơn)
b	XB5	1/2.000	xã Phúc Thịnh, Quang Minh, Nội Bài, Sóc Sơn	3.971	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới (bao gồm cả khu vực sân bay Nội Bài)	Khu vực sân bay Nội Bài và phụ cận; Vành đai xanh (phần còn lại của huyện Sóc Sơn)
c	XB6	1/2.000	xã Tiến Thắng, Yên Lãng	3.761	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	Vành đai xanh (phần còn lại của huyện Mê Linh)
3	Khu vực Đông Sông hồng			12.919					
3.1	Quy hoạch phân khu đô thị E5	1/2.000		10.951					
a	E5-1A, E51-B (không gồm 963ha nằm trong khu vực mở rộng phía Đông ĐT trung tâm TP Hà Nội 1/2000)	1/5.000	xã Đông Anh, Phù Đổng	3.272	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới (có điều chỉnh ranh giới và trên cơ sở kế thừa các QHPK đã được duyệt)	Gồm QHPK N9, 1 phần QHPK GN
b	E5-2, E5-3 (không gồm diện tích nằm trong khu vực mở rộng phía Đông ĐT trung tâm TP Hà Nội 1/2000)	1/5.000	xã Gia Lâm, Thuận An, Bát tràng	2.606	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Điều chỉnh tổng thể	QHPK N11
c	Khu vực mở rộng phía Đông ĐT trung tâm TP Hà Nội	1/2.000	xã Gia Lâm, Thuận An, Phù Đổng	5.073	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2026	Lập mới	TP đã có QĐ số 3019/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 về việc phê duyệt Nhiệm vụ QHPK ĐT
3.2	Quy hoạch phân khu đô thị Sông Hồng (SH)			1.968					
a	Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng – Đoạn 1a (từ ranh giới đô thị Trung tâm đến cầu Hồng Hà)	1/2.000	xã Yên Lãng, Liên Minh, Ô Diên	1.361	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2030	Lập mới	
b	Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng (từ cầu Mễ Sở đến hết ranh giới đô thị trung tâm)	1/2.000	xã Hồng Vân, Chương Dương	607	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2030	Lập mới	
V	Quy hoạch phân khu các đô thị khác được xác định trong đồ án QHC Thủ đô			27.478					
1	Đô thị Tây Đằng	1/2.000	xã Quảng Oai, Vật Lại	864	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
2	Đô thị Tân Viên Sơn	1/2.000	xã Suối Hai	478	UBND xã Suối Hai	2025	2027	Lập mới	

3	Đô thị Phúc Thọ	1/2.000	xã Phúc Thọ, Thạch Thất, Hát Môn	1.703	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
4	Đô thị Liên Quan	1/2.000	xã Thạch Thất, Tây Phương	468	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
5	Đô thị Quốc Oai	1/2.000	xã Kiêu Phú, Tây Phương, Quốc Oai	2.119	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
6	Đô thị Chúc Sơn	1/2.000	phường Chương Mỹ, xã Phú Nghĩa	4.723	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	phạm vi mở rộng bao gồm toàn bộ phường Chương Mỹ
7	Đô thị Kim Bài	1/2.000	xã Thanh Oai, Tam Hưng	1.410	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
8	Đô thị Vân Đình	1/2.000	xã Vân Đình, Ứng Thiên, Phượng Dực, Ứng Hòa	1.722	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
9	Đô thị Đại Nghĩa	1/2.000	xã Mỹ Đức, Hương Sơn	1.089	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
10	Quy hoạch phân khu đô thị Phú Xuyên (khu 1)	1/2.000	Xã Thượng Phúc, Phương Dực, Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Đại Xuyên	1.190	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	Trong quá trình triển khai có thể xem xét lập 01 QHPK để đảm bảo tiến độ
11	Quy hoạch phân khu đô thị Phú Xuyên (khu 2)	1/2.000	Xã Chuyên Mỹ, Phú Xuyên	1.850	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
12	Quy hoạch phân khu đô thị Phú Xuyên (khu 3)	1/2.000	Xã Phú Xuyên, Đại Xuyên	2.180	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	
13	Quy hoạch phân khu đô thị Hòa Lạc phần mở rộng (Bắc Đại lộ Thăng Long)	1/2.000	Xã Hòa Lạc, Hạ Bằng, Thạch Thất, Kiêu Phú	1.500	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
14	Quy hoạch phân khu đô thị Hòa Lạc phần mở rộng (Nam Đại lộ Thăng Long)	1/2.000	Xã Hòa Lạc, Hạ Bằng, Thạch Thất, Kiêu Phú	1.090	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch

15	Quy hoạch phân khu đô thị ST2	1/2.000	Phường Sơn Tây	460	UBND phường Sơn Tây	2025	2027	Chuyển tiếp	UBND Thành phố đã phê duyệt dự toán và giao Sở QHKT tổ chức lập (456ha). Đề xuất vi chỉnh ranh giới, lấy thêm phần diện tích đất ngoài đề giáp ST1 để đảm bảo phù kín quy hoạch
16	Quy hoạch phân khu đô thị ST3	1/2.000	Phường Tùng Thiện và xã Suối Hai, Yên Bài	1.940	UBND Phường Tùng Thiện	2025	2027	Chuyển tiếp	UBND Thành phố đã phê duyệt dự toán và giao UBND TX Sơn Tây tổ chức lập. Đề xuất mở rộng hết địa giới hành chính Phường Tùng Thiện và phần diện tích các xã Suối Hai, Yên Bài nằm trong ranh giới đô thị Sơn Tây nhằm phù kín quy hoạch phân khu
17	Quy hoạch phân khu đô thị ST4	1/2.000	Phường Sơn Tây , Tùng Thiện và xã Quảng Oai	1.320	Ban Quản lý đồ án QHKT (trực thuộc Sở QH-KT Hà Nội)	2025	2027	Chuyển tiếp	UBND Thành phố đã phê duyệt dự toán và giao Sở QHKT tổ chức lập. Đề xuất điều chỉnh ranh giới nhằm hình thành tổ hợp giáo dục và di tích.
18	Quy hoạch phân khu chức năng vùng hồ Xuân Khanh và phụ cận	1/2.000	Phường Tùng Thiện, xã Quảng Oai và Suối Hai	1.232	UBND Phường Tùng Thiện	2025	2027	Chuyển tiếp	UBND Thành phố đã phê duyệt dự toán và giao Sở QHKT tổ chức lập. Để đẩy nhanh tiến độ các quy hoạch phân khu trên địa bàn, đề xuất ủy quyền cho UBND phường Tùng Thiện tổ chức lập quy hoạch.
19	Quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai phần mở rộng	1/2.000	xã Phú Cát	140	UBND xã Phú Cát	2025	2027	Lập mới	
VI	Quy hoạch phân khu chức năng			3.121					
1	QHPK Khu CN Tiến Thắng	1/2.000	Xã Tiến Thắng	450	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
2	QHPK Khu CN Phú Nghĩa II	1/2.000	Xã Phú Nghĩa	389	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
3	QHPK Khu CN Khu Cháy	1/2.000	Xã Vân Đình	550	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
4	QHPK Khu CN Bắc Phú Xuyên	1/2000	Xã Phú Xuyên	215	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
5	QHPK Khu CN Thanh Vân-Tân Ước	1/2.000	Xã Dân Hòa	400	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
6	QHPK Khu CN Xuân Dương	1/2.000	Xã Dân Hòa	350	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
7	QHPK Khu CN Ba Vì	1/2.000	Xã Cổ Đô	310	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
8	QHPK Khu CN Phù Đổng	1/2.000	Xã Phù Đổng	370	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch
9	QHPK Khu CN Phụng Hiệp mở rộng	1/2.000	Xã Chương Dương và xã Thượng Phúc	87	Ban QL Khu CNC&KCN	2025	2027	Lập mới	Ranh giới, quy mô được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch

Ghi chú: phạm vi, quy mô, ranh giới cụ thể sẽ được chính xác hóa trong giai đoạn lập Đề cương, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo khớp nối, tránh chồng lấn phạm vi lập quy hoạch)